TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2024/DS-ST
Ngày 22 tháng 02 năm 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Kịch

Ông Hứa Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung, Thư ký Tòa nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Bích Ngọc-Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thụ lý số 430/2023/TLST-DS, ngày 15 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-DS, ngày 02 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty S, địa chỉ: Lầu 8,9,10 Tòa nhà G, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Đỗ Văn H, Nhân viên thu hồi nợ thuộc Phòng Thu hồi nợ của Công ty S, theo văn bản ủy quyền ngày 20/11/2023 (ông H có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Ung Thanh T, sinh năm 1992, Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 02/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là ông Đỗ Văn H trình bày:

Vào ngày 10/6/2021, ông Ung Thanh T ký hợp đồng số CL021094589 với Công ty S (sau đây gọi là Công ty Tài chính) để vay tiền mua hàng tiêu dùng theo hình thức trả góp hàng tháng, số tiền vay là 20.000.000 đồng, lãi suất là 2,4%/tháng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông T có trách nhiệm thanh toán gốc và lãi trong

vòng 12 tháng, mỗi tháng phải thanh toán cho Công ty tài chính số tiền là 2.200.528 đồng bắt đầu từ ngày 07/7/2021. Tuy nhiên, từ đó đến nay, ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận (chưa thanh toán kỳ trả góp nào), tính đến ngày khởi kiện ông T còn nợ Công ty Tài chính số tiền vốn gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 3.966.805 đồng và lãi quá hạn 2.789.367 đồng, tổng cộng là 26.756.172 đồng. Nay Công ty S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ung Thanh T phải trả số tiền 26.756.172 đồng, không yêu cầu tính lãi phát sinh đến ngày xét xử.

Bị đơn ông Ung Thanh T trình bày: Ông T thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng với Công ty S để vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận về lãi suất và hình thức thanh toán đúng như phần trình bày của nguyên đơn; thừa nhận từ khi vay nợ của Công ty Tài chính đến nay ông T chưa thanh toán khoản tiền nào. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T phải trả số tiền còn nợ vốn gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 6.756.172 đồng, tổng cộng là 26.756.172 đồng thì ông cũng đồng ý, nhưng có yêu cầu được trả dần, khả năng thanh toán 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết toàn bộ số nợ.

Tại phiên hòa giải ở Tòa án ngày 28/12/2023 các bên không thỏa thuận được do phía nguyên đơn không chấp nhận việc trả dần theo yêu cầu của bị đơn.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn trả số tiền 26.756.172 đồng (trong đó vốn gốc là 20.000.000 đồng, còn lại là tiền lãi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Tại phiên tòa vắng mặt đại diện nguyên đơn là ông Đỗ Văn H, nhưng ông H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông Ung Thanh T là bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, xét thấy hợp đồng tín dụng số CL021094589 lập ngày 10/6/2021 giữa Công ty tài chính với ông T đều được ký bởi người đại diện hợp pháp của bên cho vay là Công ty tài chính với bên vay là ông T; các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích thực hiện với nhu cầu lợi nhuận của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên cho vay là Công ty tài chính đã giải ngân, bên vay là ông T đã nhận đủ số tiền vay, như vậy Công ty tài chính đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng; việc ông T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tài chính là vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được thỏa thuận; do vậy việc khởi kiện của

Công ty tài chính yêu cầu buộc ông T thanh toán nợ của hợp đồng với tổng số tiền là 26.756.172 đồng (trong đó vốn gốc là 20.000.000 đồng, còn lại là tiền lãi) là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi phát sinh đến ngày xét xử, tuy nhiên đến giai đoạn thi hành án bị đơn vẫn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 90, 91, 94 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ các Điều 7, 8 và 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Ung Thanh T có nghĩa vụ trả cho Công ty S số tiền 26.756.172 *(hai mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi hai)* đồng (trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng, còn lại là tiền lãi).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Buộc ông Ung Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.338.000 *(một triệu ba trăm ba mươi tám nghìn)* đồng;

2.2. Công ty S không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 669.000 *(sáu trăm sáu mươi chín nghìn)* đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số XX ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệu